TAND HUYỆN YÊN ĐỊNH **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên

2. Bà Hoàng Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà LTL, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông LTH, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà LTL và ông LTH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2022, bản tự khai ngày 30/11/2022 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà LTL trình bày: Bà và ông LTH kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn ngày 05/6/1991 tại UBND xã Yên Giang (*Nay là xã P*), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, do sơ suất vợ chồng đã làm mất Giấy đăng ký kết hôn. Hiện nay bà không còn bất kỳ giấy tờ, tài liệu nào chứng minh bà và ông LTH đã đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến năm 2010 thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần vợ chồng hợp rồi lại tan. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm gì đến nhau.

Nay bà LTL xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông LTH.

Về con chung: Bà LTL khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà LTL xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Bà LTL xác định vợ chồng không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2022 và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn là ông LTH trình bày:

Ông và bà LTL kết hôn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Giang (*Nay là xã P*), huyện Yên Định vào ngày 05/6/1991 là đúng thực tế, nhưng do quá trình chung sống vợ chồng đã làm mất đăng ký kết hôn, nên hiện nay ông bà không có chứng cứ, tài liệu nào để xuất trình cho Tòa án thể hiện quan hệ giữa ông với bà LTL là vợ chồng.

Vợ chồng chỉ chung sống được 10 năm, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng vợ chồng không thể hòa hợp được. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để ông bà được tự do, không ràng buộc gì với nhau nữa, chủ động lo cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Ông LTH khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông LTH xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Ông LTH xác định không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Về hôn nhân: Đề nghị xử cho bà LTL được ly hôn ông LTH.

- Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà LTL phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông LTH là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh về việc kết hôn của đương sự theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù bà LTL và ông LTH đều khai đã kết hôn tại UBND xã Yên Giang (*nay là xã P*), huyện Yên Định, nhưng qua xác minh thì UBND xã P chỉ còn lưu trữ hồ sơ đăng ký kết hôn của công dân từ năm 1999 trở lại đây, sổ sách lưu trữ việc đăng ký kết hôn của công dân trước đó đều đã bị thất lạc, nên không có căn cứ nào khẳng định bà LTL và ông LTH đã đăng ký kết hôn năm 1991. Bản thân bà LTL và ông LTH không cung cấp được bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào thể hiện việc ông bà có đăng ký kết hôn như đã khai báo.

Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà LTL và ông LTH.

[3] Về con chung: Bà LTL và ông LTH đều xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà LTL và ông LTH đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về công nợ chung: Bà LTL và ông LTH xác định không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà LTL phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà LTL và ông LTH.

2. Về án phí: Bà LTL phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ bà LTL đã nộp tạm ứng án phí, tại biên lai thu số AA/2021/0003632 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (*Bà LTL đã nộp đủ án phí*).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hoàng